

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 07/8/2025

V/v: *Ly hôn*.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hoàn

Bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2025/ TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc "*Ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Thế Đ - sinh ngày 30/01/1979

Số CCCD: 038079xxxxxx

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh T.

Nay là: Thôn Đ, xã T, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

2 - *Bị đơn:* bà Vũ Thị T – sinh ngày 26/02/1980.

Số CCCD: 038180xxxxxx

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh T.

Nay là: Thôn Đ, xã T, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2025, bản tự khai ngày 08 tháng 4 năm 2025, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Thế Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Vũ Thế Đ và bà Vũ Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (nay là xã T), tỉnh T vào ngày 02/11/1998. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, ông Vũ Thế Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Vũ Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Vũ Thế B – sinh ngày 20/8/1999 (giới tính: Nam) và Vũ Thị N – sinh ngày 04/6/2002 (giới tính: Nữ). Hiện nay cả hai con đã trưởng thành nên ông Vũ Thế Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, ông Vũ Thế Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Vũ Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của bà Vũ Thị T.

Tại Biên bản xác minh ngày 20/5/2025, thôn Đ và Công an xã V (nay là công an xã T) nơi ông Đ và bà T cư trú cho biết: Bà Vũ Thị T – sinh năm 1980 có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã V, huyện V (nay là xã T), tỉnh T. Bà T hiện nay đang sinh sống và làm việc tại địa phương, nhưng cũng thường xuyên đi làm ăn xa.

Tại phiên tòa ông Vũ Thế Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà Vũ Thị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Vũ Thế Đ, xử cho ông Đ được ly hôn bà Vũ Thị T.

-Về án phí: Ông Vũ Thế Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Vũ Thế Đ có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với bà Vũ Thị T có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện V (nay là xã T), tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Luật TTHC, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án xác định đây là vụ án: “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa. Bà Vũ Thị T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ bà Vũ Thị T cố tình trốn tránh nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Vũ Thế Đ và bà Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh T (nay là xã T, tỉnh T) vào ngày 02/11/1998. Xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Thế Đ và bà Vũ Thị T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2019 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông Đ xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với bà T. Quá trình giải quyết vụ án bà T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện bà T không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa ông Vũ Thế Đ và bà Vũ Thị T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Vũ Thế Đ được ly hôn bà Vũ Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông Vũ Thế Đ và bà Vũ Thị T có 02 con chung tên là: Vũ Thế B – sinh ngày 20/8/1999 (giới tính: Nam) và Vũ Thị N – sinh ngày 04/6/2002 (giới tính: Nữ). Hiện nay cả hai con đã trưởng thành nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Ông Vũ Thế Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Vũ Thế Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án. Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Vũ Thế Đ được ly hôn bà Vũ Thị T.
2. Về án phí: Ông Vũ Thế Đ phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006237 ngày 31/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hoá). Ông Đ đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông Vũ Thế Đ, vắng mặt bà Vũ Thị T. Ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang

